

GIÁ TRỊ CỦA CÁC NGÔI CHÙA CỔ THỜI TRẦN Ở PHÍA TÂY YÊN TỬ

Tóm tắt: Vào thời Trần, phía sườn Tây Yên Tử thuộc các huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động của tỉnh Bắc Giang lưu dấu hàng loạt di tích được các vị Tổ sư của Phật giáo Trúc Lâm cho xây dựng, tu tạo, mở mang, có liên quan chặt chẽ đến quá trình hình thành và hưng thịnh của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. Trong bài viết này, tác giả trình bày về kiến trúc các ngôi chùa cổ thời Trần ở khu vực Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang gắn với Phật giáo Trúc Lâm, cùng với giá trị của các ngôi chùa cổ này, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị về việc bảo vệ, phát huy giá trị hệ thống di tích này trong tổng thể quần thể di tích Tây Yên Tử.

Từ khóa: Giá trị; kiến trúc; chùa cổ; thời Trần; Tây Yên Tử; Bắc Giang.

Dẫn nhập

Tỉnh Bắc Giang là vùng đất có nền văn hóa lâu đời, phong phú, đa dạng. Trải khắp toàn tỉnh có hơn 2.237 di tích, trong đó 711 di tích đã được xếp hạng, với 101 di tích cấp quốc gia và 583 di tích cấp tỉnh, tiêu biểu như: Di tích Quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm huyện Yên Dũng, chùa Bồ Đà huyện Việt Yên, Những địa điểm của khởi nghĩa Yên Thế, Di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang... Bên cạnh đó, Bắc Giang còn được biết đến với các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể với nhiều làng quan họ cổ, ca trù, mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, bảo vật quốc gia Hương án đá chùa Khám Lạng... cùng nhiều nét văn hóa độc đáo của các dân tộc thiểu số, nhiều làng nghề truyền thống ở Bắc Giang được lưu giữ, bảo tồn và phát triển đến ngày nay. Vào thời

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bắc Giang.

Ngày nhận bài: 19/3/2019; Ngày biên tập: 5/4/2019; Duyệt đăng: 18/4/2019.

Trần, phía sườn Tây Yên Tử thuộc các huyện: Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động của tỉnh Bắc Giang lưu dấu hàng loạt di tích được các vị Tổ sư của Phật giáo Trúc Lâm cho xây dựng, tu tạo, mở mang, có liên quan chặt chẽ đến quá trình hình thành và hưng thịnh của Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử, như: Chùa Vĩnh Nghiêm, Am Vãi, Hồ Bắc, Yên Mã, Bình Long, Sơn Tháp,... Do sự biến thiên của thời gian, nhiều ngôi chùa hiện nay đã trở thành phế tích. Tuy vậy, qua các đợt khảo sát, nghiên cứu, cùng với những phát hiện khảo cổ học, có thể thấy rằng các ngôi chùa cổ thời Trần ở phía Tây Yên Tử để lại nhiều giá trị cần được quan tâm nghiên cứu, làm rõ về không gian kiến trúc, các dấu tích, di vật, nhằm bảo tồn, phát huy giá trị của các ngôi chùa cổ ở phía Tây Yên Tử.

1. Kiến trúc các ngôi chùa cổ phía Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang

Núi Yên Tử thuộc vòng cung Đông Triều, có chiều dài từ Hòn Gai (tỉnh Quảng Ninh) xuôi về vùng Lục Nam (tỉnh Bắc Giang) và Chí Linh (tỉnh Hải Dương). Trong sơn phận của núi có phân chia thành các mạch, các nhánh lan tỏa trong địa dư ba tỉnh, tạo nên thung lũng với các con sông: Lục Nam, Kinh Thầy, Bạch Đằng. Mỗi mạch núi có những tên gọi khác nhau, như: Núi Yên Tử, núi Phật Sơn, núi Huyền Đinh, núi Quan Âm, núi Hình Nhân, núi Côn Sơn, v.v... Do đặc điểm kiến tạo địa lý nên các ngọn núi thuộc dãy Yên Tử cơ bản là núi đất. Trong các dải núi đất, những khối núi đá vôi, cát kết, sa thạch, dung nham đã xem lẫn tạo nên những vách đá với những hang động, mái đá vừa và nhỏ. Trong địa giới tỉnh Bắc Giang, dạng núi đá xen lẫn núi đất đều thấy có ở tất cả các mạch núi thuộc địa phận Lục Nam và Lục Ngạn. Một số hang, mái đá được phát hiện như Hang Non (Khám Lạng), Vực Rêu (Cầm Lý), Lục Nam. Trong hầu hết các mạch núi của dãy Yên Tử chủ yếu là than đá, tập trung nhiều ở vùng Đông Triều (Quảng Ninh) nên lượng mưa hằng năm ở vùng Yên Tử nhiều hơn so với vùng sâu trong nội địa. Trong sơn phận của Yên Tử, cư dân chủ yếu là các dân tộc Kinh, Nùng, Dao, Cao Lan, Sán Chí, Sán Diu, Hoa cùng nhau chung sống. Do sự biến thiên của lịch sử, hầu hết các di tích ở nơi đây không còn nguyên vẹn, nhưng vẫn được nhân dân địa phương tìm cách tôn tạo để duy trì đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của làng xã¹.

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí*, phần tỉnh Hải Dương, mục Núi, Sông chép: “Bài ký “Động thiên phúc địa” của Tôn Quang Đình nhà Đường nói: Núi Yên Tử là một trong 72 phúc địa của nước ta”. *Đại Thanh Nhất Thống Chí* ghi: “Núi Yên Tử là nơi đắc đạo của Yên Kỳ Sinh nhà Hán. Năm Tự Đức thứ ba liệt vào hàng danh sơn, chép trong điển thờ”². Ngoài giá trị là vùng địa linh thắng cảnh, Yên Tử còn được coi là một trung tâm tôn giáo lớn của văn minh Đại Việt khi vua Trần Nhân Tông xuất gia tu hành, sáng lập nên Phật giáo Trúc Lâm, tiêu biểu cho bản sắc văn hóa và ý thức độc lập tự chủ của dân tộc.

Ở khu vực Tây Yên Tử, ngoài chùa Vĩnh Nghiêm là trung tâm Phật giáo Trúc Lâm thời Trần được xây dựng từ trước đó, nhiều ngôi chùa cũng được xây dựng trong thời Trần. Một số ngôi chùa lớn như: chùa Hồ Bắc (xã Nghĩa Phương), chùa Bình Long (xã Huyền Sơn), chùa Cao, chùa Hang Non (xã Khám Lạng), chùa Yên Mã (xã Bắc Lũng), chùa Hòn Tháp (xã Cẩm Lý), chùa Am Vãi (xã Nam Dương)... đã trở thành phế tích nhưng kiến trúc của chúng để lại còn nhiều giá trị cần được khai thác, bảo tồn, phục dựng và phát huy. Dưới đây, chúng tôi sơ lược giới thiệu mặt bằng chung của một số ngôi chùa nói trên.

1.1. Chùa Hồ Bắc

Chùa Hồ Bắc ở xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, trên đỉnh núi, mạch nằm trong núi. Có một ngọn nổi lên và có hồ lớn trên đỉnh, vì thế hướng chùa quay về hồ nước nên cũng quay về núi Phật Sơn – Yên Tử.

Chùa có 7 cấp nền, 4 nền kè đá, 3 nền tuy có kè nhưng dấu tích không rõ;

Kích thước: Nam - Bắc 43m, Đông - Tây 45m;

Giếng giữa hồ: đường kính 8m, cao 0,5m;

Bãi rộng trước chùa 70m;

Bãi đất nền Tam Bảo: dài 35,5m, rộng 40,5m;

Nền Tam Bảo thứ nhất: dài 13m, rộng 23m;

Nền thứ hai: rộng 7,5m, dài 37,5m;

Nền thứ ba: rộng 20m, dài 50m;

Nền thứ tư rộng 25m, dài 60m;

Nền thứ năm rộng 15m, dài 60m;

Nền thứ sáu rộng 20m, dài 70m;

Nền thứ bảy rộng 20m, dài 100m.

Từ nền 1 đến nền thứ 7 có đường lên kê đá tảng to. Bên sườn tay phải núi chùa, còn có 3 nền ở 3 cấp, mỗi cấp dài 30m rộng 15m.

1.2. Chùa Hòn Tháp

Chùa Hòn Tháp thuộc xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam.

Về bố cục: chùa được san làm 3 cấp. Khu Tam Bảo ở cấp thứ 3, cấp thứ 2 bỏ không vì sườn núi hẹp; cấp thứ nhất là sân vườn rộng và có một nền có thể là tam quan. Cảnh Tam Bảo có một nhà dành cho tăng ni cư trú. Nền chùa có kích thước dài 8m, rộng 10m. Nhà tăng ni dài 6m, rộng 10m. Tháp chùa có mặt bằng kích thước: 1,40m x 1,40m, cao 2,1m.

Tháp chùa Hòn Tháp: Đá đế tháp có kích thước: 40cm x 60cm x 40cm. Đá bệ tháp có gờ chỉ: 47cm x 40 cm x 15 cm. Đá thân tháp có bài vị: 70cm x 34 cm x 28cm. Đá chóp tháp tương đương 50 cm x 50 cm x 40cm.

Chùa Hòn Tháp còn giữ được khối đá, thân tháp có ghi bài vị của sử trụ trì. Nội dung bài vị như sau: *Huyền Cơ Thiện Cho Pháp Vân Hòa Thượng Vị* (nghĩa là: Bài vị vị hòa thượng có hiệu đạo là huyền cơ thiện Thọ Pháp Vân). Nếu chỉ căn cứ vào các dòng chữ này thì còn nhiều khó khăn cho việc tìm hiểu. Tuy nhiên, có một tư liệu Hán-Nôm giúp cho việc tìm hiểu bài vị này sáng rõ hơn. Đó là phần chép về chùa Hòn Tháp trong *Đạo giáo Nguyên lưu*. Tư liệu này nói về quá trình vua Trần Nhân Tông lên núi Yên Tử tu hành. Trên đường đi, vua đã ghé lại nghỉ chân ở chùa Hòn Tháp. Tài liệu ghi: *Đời thứ tư là Nhân Tông Hoàng đế, được diêu chỉ của Tuệ Trung thượng sĩ. Ngày 12 tháng 2 năm Mậu Dần lên ngôi hoàng đế. Đối niên hiệu là Thiệu Bảo. Thái hậu nằm mộng thấy người thần trao cho hai thanh kiếm, bảo rằng: “Trên thượng đế có sắc chú để người chọn”. Do đó có thai, sinh con trên mình toàn sắc vàng. Vua Thánh Tông đặt tên là Kim Phật cho Nhân Tông là vì thế. Ở bên phải hàng mi của Nhân Tông có*

nốt ruồi to như hạt đậu đen. Các thức giả nói rằng: “Kỳ lạ như thế tất sau này sẽ làm nên việc lớn”. Đến năm 16 tuổi thì làm Hoàng Thái tử; Điều Ngự cố từ chối hai ba lần, mời em lên thay. Nguyên từ Quốc mẫu đem con gái lớn gả cho. Duyên cầm sắt tuy đẹp nhưng lâu vàng góc ngọc thanh đạm như không. Khi ngài vào núi Yên Tử, đi về phía Đông đến chùa Sơn Tháp, nhà sư ở đó thấy diện mạo lạ thường lấy làm kính trọng; lúc đó cũng là ngày Thánh Tông sắc cho quần thần đi bốn phương tìm ngài về. Ngài bắt đắc dĩ phải quay về lên ngôi³. Qua đoạn văn đó, biết rằng lúc Trần Nhân Tông lên Yên Tử vào chùa Hòn Tháp là lúc ngài chưa lên ngôi, tức vào khoảng năm 1274-1275.

1.3. Chùa Bình Long

Chùa Bình Long thuộc xã Huyện Sơn, huyện Lục Nam. Chùa có 3 khu. Khu 1: ở giữa núi Bình Long thuộc dãy Huyện Đình, khu 2: ở núi Hòn Chùa, khu 3: ở trong Làng Chùa.

Khu 1: gồm khu Tam Bảo do cây rừng mọc kín, không thể phát hiện dấu vết nền chùa, chỉ còn hai khối đá lớn. Khu giếng nước: ở sườn phải núi chùa có đường kẻ đá đi lại. Giếng nằm ở bên chân khối đá lớn, trên phiến đá có khắc hai chữ Hán: “Thanh Thủy”.

Khu 2: là khu chùa di chuyển từ núi về Hòn Chùa. Chùa nằm ở sườn núi quay về phía huyện Lục Nam. Bao quanh chùa còn có tường và dấu nền chùa.

Khu 3: ở thôn Chùa, trong khu đất đình cũ. Ngôi chùa này mới xây dựng, quy mô nhỏ, kiến trúc đơn giản, 3 gian tiền đường, 2 gian Tam Bảo, một nhà khách và nhà tăng ni.

Ở khu vực bên vách đá giếng nước có hai chữ “Thanh Thủy”. Theo quan niệm tu hành xưa, người tu hành rất lưu tâm tới sự thanh tịnh. Đó chính là lý tưởng phải đạt đến của các thiền sư và môn đệ. Người tu hành trong núi tắm gội tâm mình trong cảnh sắc sơn nguyên này cũng để đạt được chữ “Thanh Tịnh” giếng nước ở nơi này một mặt là sơn nguyên thực tại, nhưng mặt khác lại là ý niệm phải đạt đến của các sư. Trong cách tu ở núi, hành giả chú trọng về ý niệm mà hạn chế ngôn từ. Vì thế có thể hiểu rằng, đây là một yếu tố góp phần tìm hiểu một trong ba yếu tố của Phật giáo Trúc Lâm là: Mật – Tịnh – Thiền.

Cho nên có thể nói rằng, tuy câu chữ ngắn mà ý niệm của nó rất rộng và đậm chất Trúc Lâm.

1.4. Chùa Am Vãi

Chùa Am Vãi thuộc xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn. Chùa nằm trên núi Am Ni. Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* có ghi: *Núi Am Ni ở xã Nam Điện, phía Nam huyện Lục Ngạn. Mạch núi từ Phật Sơn và Thù Sơn kéo đến, phía tả có giếng nước trong không bao giờ cạn. Cạnh núi có hai cái bồn bằng đá, trên núi có nền chùa cũ*⁴.

Truyền thuyết kể lại: “Chùa Am Vãi sơ khai chỉ là một am nhỏ, có một vị sư trụ trì. Ở đây có một hang tiền và một hang gạo do mái đá núi tạo thành. Mỗi ngày cả hai hang chỉ đủ cung cấp cho vị sư này đủ dùng trong một ngày mà không bao giờ chảy hơn. Đến một ngày có một vị huynh đệ từ xa đến thăm quan cảnh chùa và ở lại dùng bữa cùng. Trụ trì chùa Am Vãi phải ra khơi cho hang tiền, gạo chảy ra đủ dùng cho hai người. Từ đó trở đi, hang tiền và hang gạo không bao giờ chảy ra nữa. Nhà sư không có tiền gạo để tu hành nên đã bỏ đi, từ đây chùa trở nên vắng sư – thành hoang phế”⁵. Bên cạnh hang tiền, hang gạo, Chùa Am Vãi hiện còn dấu tích bàn cờ tiên, dấu chân Phật phản ánh truyền thống đa dạng tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân địa phương.

Chùa Am Vãi hiện còn hai di tích là chùa cũ và chùa mới. Chùa cũ: gồm các tòa tiền đường, Tam Bảo, hành lang, hậu đường và nhà bếp, giếng nước, vườn tháp.

Tòa tiền đường nền dài 20m, rộng 5,5m;

Tam Bảo: dài 10m, rộng 6m;

Hành lang trái: dài 15,5m, rộng 3,80m;

Hậu đường: dài 15m, rộng 7m;

Hai tháp đá: 1m x 1,10m. Mỗi tháp cách nhau 3,4m.

Chùa mới: có mặt bằng kích thước dài 11m, rộng 6,1m.

Tháp chùa Am Vãi (số lượng 02, phục hiện 1). Tháp có mặt bằng hình vuông, kích thước: 1,8m x 1,8m, cao toàn bộ 3,2m. Thân tháp cao 1,10m. Chóp tháp: 4 đao rộng 1,35m. Trên mái đá có ghi “Liên hoa bảo tháp”, bên trong còn bài vị đã bị phong hóa theo thời gian

nhưng còn đọc được bài vị đá ở tháp của chùa và xác định vị sư tu hành ở đây thuộc Phật giáo Trúc Lâm.

Đến thời nhà Lê thế kỷ XVII – XVIII, chùa Am Vãi được mở mang rộng trên diện tích ước chừng 2.500m². Dấu tích vật chất để lại ở chùa như các vật liệu xây dựng gạch, ngói, non sành, lọ... và các nguồn sử liệu cho biết, khi ấy chùa Am Vãi là một ngôi chùa lớn có một bố cục mặt bằng theo kiểu “nội công ngoại quốc”, với rất nhiều hạng mục công trình như: Tiền đường, Tam Bảo, nhà tăng ni, hành lang, vườn tháp, giếng nước... Các công trình đều được dựng bằng gỗ lim chắc chắn, các chân cột được kê bằng tảng đá nhám. Số chân tảng có kích thước khá lớn: cao 37cm, rộng vòng tròn 66cm, các mảnh gốm, non sành, lọ, vò, gạch, ngói... Đặc biệt hiện nay vẫn còn nền móng lộ rõ các viên gạch thời Lê Trung Hưng. Đến thời Nguyễn, chùa Am Vãi bị xuống cấp. Đến những năm thập niên 90 của thế kỷ XX, chùa Am Vãi được nhân dân địa phương góp công, góp của phục dựng tòa Tam Bảo ba gian bằng gỗ. Năm 2003, chùa Am Vãi được UBND tỉnh Bắc Giang xếp hạng di tích lịch sử. Và năm 2017, chùa Am Vãi được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia.

1.5. Chùa Yên Mã

Nằm sâu hơn so với chùa Hòn Tháp. Chùa nhìn thẳng xuống khu chùa Hòn Tháp nhưng cùng trên một trục thẳng. Bố cục mặt bằng của chùa dựa vào hai dong đất để bạt núi làm nền. Do đó trên bố cục mặt bằng chia làm hai khu:

Khu Tam Bảo: Ở trên chùa cao của sườn núi được kê đá mặt dưới. Nền chùa kích thước dài 18m, rộng 14m. Cách hai bên đầu chùa 3,5m có hai nền nhỏ mỗi chiều dài 3,5m, rộng 2,8m. Phía dưới sườn núi có nền dài 21m, rộng 7,8m.

Phía dưới có hai thềm kê đá 5m và 3,5m, dưới thềm Tam Bảo có ba thềm đất 20m, 15m, 10m. Chùa Yên Mã nằm ở sườn núi Lòng Thuyền có độ dốc lớn. Cây cối không chỉ có rừng trảng, do đó việc tìm nguồn nước là rất quan trọng. Ngay cấp thứ hai dưới Tam Bảo có một khu giếng đá quanh năm có nước. Khu này gồm ba giếng nhỏ, cạnh đó có dấu chân trên phiến đá lớn cũng có nước. Trên đó đục dấu một bàn chân khổng lồ, kích thước dài 40cm, rộng 20cm, sâu 25cm.

1.6. Cụm di tích Hang Non - Khám Lạng - Chùa Cao

Núi Khám Lạng nằm ở bờ hữu sông Lục Nam, cách huyện lỵ Lục Nam chừng 3km. Núi thuộc các địa phận các xã Khám Lạng, Chu Điện, Phượng Sơn. Trên núi có các ngọn cao chừng 100m mang tên Hang Non, Rừng Thông... Trên núi có hang lớn gắn với truyền tích Thánh Mẫu và dấu bàn chân. Bên hang có thờ ba vị thần với các phiến đá chạm khắc rồng phượng độc đáo. Hang Non rất rộng. Quanh núi có nhiều di tích cổ xưa. Đó là chùa Cao xây dựng từ thời Trần nằm trong quần thể di tích chùa Khám Lạng với Chùa Khám – Chùa Cao – Đình Hạ - chùa Hang Non – Đền Mẫu – Đền Trung – Đền Thượng.

Chùa Hang Non bị thời gian hủy hoại nhưng còn Hang Non và bãi đá có vết chân thần. Chùa nằm ở lưng chừng núi Non, gần cửa Hang Non và đền Non Thượng. Hiện vật chỉ còn các mảnh chạm khắc rồng trên bệ đá.

Chùa Khám Lạng là công trình Phật giáo có quy mô lớn. Trên bức đại tự có ghi 4 chữ “Thiên Lâm Cổ Tự” cho thấy đây là một ngôi chùa theo Phật giáo Trúc Lâm. Về kiến trúc, chùa nằm trong một khuôn viên rộng 3.600m². Tòa Tam Bảo gồm 5 gian tiền đường, 3 gian tam bảo có kết cấu liên hoàn theo bố cục chữ “Đình”. Ngói lợp có hai loại: ngói âm dương và ngói mũi hài. Tòa tăng đường hơi lệch về phía sau gồm 5 gian gỗ lim nhỏ hơn. Công trình này được tạo dựng muộn hơn tòa Tam Bảo nhưng hiện nay cũng đã bị xuống cấp nghiêm trọng. Chùa Khám Lạng hiện còn lưu giữ nhiều loại hiện vật có giá trị, như: sập thời Lê, lọ hương đá, mõ đá, v.v... Ngoài ra còn có các bức đại tự, câu đối cửa võng, sơn son thếp vàng lộng lẫy, chạm khắc nhiều hoa văn đẹp. Tượng Phật còn giữ được 27 pho. Hương án đá chùa Khám Lạng là một hiện vật gốc độc bản duy nhất, được các nghệ nhân dân gian khởi tác và hoàn thành cách đây 600 năm. Đây là một kiệt tác nghệ thuật hoàn mỹ với kích thước dài 3,12m, rộng 1,4m, cao 1,2m. Các họa tiết được chạm khắc trên Hương án đá từ hình rồng, cánh sen, hoa cúc, hoa văn sóng nước... đều lưu giữ những giá trị văn hóa - lịch sử đặc trưng thời Lý - Trần. Chạm khắc hình hoa sen, hoa cúc mang biểu trưng sức mạnh hùng trí của nhà Phật; hình rồng mang biểu trưng của vương quyền; các hình văn, sóng nước biểu trưng của văn hóa

sông nước, văn hóa miền biển. Với những giá trị lịch sử, văn hóa, giá trị mỹ thuật và tính độc đáo quý hiếm, Hương án chùa Khám Lạng được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật Quốc gia theo Quyết định số 2382/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Chùa Cao (Hưng Quang Tự) thuộc thôn Nôi, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam. Căn cứ vào dấu tích còn sót lại thì xưa kia chùa có quy mô kiến trúc hoàn chỉnh thời Lý – Trần. Chùa quay mặt về hướng Nam, phía trước có sông Lục Nam. Chùa được bố cục theo kiểu “nội công ngoại quốc”. Quanh khu vực chùa được khuôn lại bằng bức tường đắp đất lẫn sỏi com nay vẫn còn dấu tích. Chùa đã bị tàn phá vào khoảng cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX bởi chiến tranh. Đến giữa thế kỷ XIX, địa phương phục hồi lại nhưng với quy mô nhỏ hơn. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chùa một lần nữa bị hủy hoại. Năm 1995 nhân dân địa phương phục hồi lại trên nền đất cũ với quy mô nhỏ 3 gian tiền đường, 2 gian Phật điện.

Các di vật thời Lý: là các đá nhám kê chân tháp có tạc hoa văn sóng nước. Do vật này có trọng lượng nặng, thể khối lớn. Có di vật hình lá đề bằng đá, trên có chạm đôi rồng thời Lý. Các viên ngói lợp chùa cỡ lớn: 52 x 32 x 4cm mũi cao 6-7 cm. Có viên gắn hình lá đề với đôi rồng lá đề ở trên mũi ngói.

Các di vật thời Trần: là những viên ngói mũi cao 5-7cm, khổ lớn như ngói thời Lý và có một số loại kích thước nhỏ hơn. Ở đây đã phát hiện được đầu rồng đất nung trên khu vực chùa. Mặt tiếp xúc đoạn thân rồng được cắt chéo, phẳng, rộng. Chiều cao từ đỉnh đầu đến đoạn cắt là 46 cm, đoạn thân cao 28 cm, đường kính đoạn cổ và thân rồng là 15 cm, dày 3 cm.

Cuộc khai quật năm 1999 đã phát hiện ra móng gạch của một công trình chùa cổ. Móng xây bằng gạch nung không chắc như gạch thời Lý có kích thước 24 x 40 x 5cm. Đồ gốm cũng được tìm thấy nhiều song đều vỡ thành các mảnh. Năm 2003, trong lần tu sửa chùa, người dân phát hiện những hiện vật bằng đá. Đó là những trụ cột chân tảng đá lớn. Với những di vật đã phát hiện ở chùa Cao, niên đại của ngôi chùa này có thể xác định được. Dưới thời Lý, công trình kiến trúc chùa Cao đã khá hoàn chỉnh, với quy mô lớn, kiến trúc đẹp. Đến thời Trần, chùa

vẫn tồn tại và hưng thịnh. Có thể chùa đã qua nhiều lần tu sửa, song kiến trúc cơ bản vẫn là nền móng kiến trúc từ thời Lý.

1.7. Chùa Ngọ

Chùa Ngọ, hay còn gọi là chùa Đồng Vành, thuộc xã Lục Sơn, huyện Lục Nam. Trong thung lũng Mai Sơn sát núi Phật Sơn. Xưa thuộc tổng Vô Tranh gồm các xã Vũ Ninh, Hồ Lao, Đám Trì. Trong sơn phận này là tiếp giáp 3 tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh, Hải Dương. Hệ thống núi này có chùa Hồ Thiên, Am Ngọc Vân, chùa Ngọ (Đồng Vành). Chùa Hồ Thiên là một thiền viện lớn do Pháp Loa xây dựng, Am Ngọc Vân do Trần Nhân Tông xây dựng (2 chùa này thuộc tỉnh Quảng Ninh). Chùa Ngọ thuộc xã Lục Sơn (Lục Nam). Chùa xưa không rõ địa điểm chính xác, tục truyền chùa được xây dựng dưới thời Trần, cùng thời gian xây dựng chùa Hồ Thiên, Am Ngọc Vân. Chùa là nơi dừng chân của Trần Nhân Tông trước khi ngài lên Yên Tử tu hành. Chùa nằm ở khu vực đồi Chè (Đèo Gọn) thuộc làng Đồng Vành, đầu thế kỷ XX người dân đã di chuyển về Rừng Họ (làng Đồng Vành). Chùa hiện nay chỉ còn phế tích. Hiện vật có giá trị duy nhất còn lại là pho tượng Phật ngồi trên tòa sen bằng chất liệu đá nhám. Tượng có chiều cao 50 cm, được tạc khoảng thế kỷ XVII - XVIII. Đầu thế kỷ XX tượng bị vỡ phần đầu đã được người dân địa phương khôi phục lại. Hiện vẫn chưa có đợt khảo cổ học lớn nào khai quật tại đây để làm rõ hơn về quy mô kiến trúc cũng như vị trí cũ của ngôi chùa này.

2. Giá trị của các ngôi chùa cổ phía Tây Yên Tử

Hệ thống các ngôi chùa cổ phía Tây Yên Tử có giá trị nổi bật trên nhiều phương diện như tôn giáo, văn hóa, lịch sử, gắn với sự hình thành và phát triển của Phật giáo Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập từ thế kỷ XIII. Nếu chùa Sơn Tháp là nơi ghi dấu ban đầu Trần Nhân Tông lên Yên Tử tu hành thì chùa Vĩnh Nghiêm là nơi Ngài nhiều lần đến thuyết giảng Phật pháp và độ điệp chúng sinh. Đệ nhị tổ Pháp Loa và Đệ tam Huyền Quang cũng theo con đường phía Tây Yên Tử hành đạo Phật sự của Trúc Lâm, cho mở mang, xây dựng chùa tháp, phát triển đạo Phật rộng khắp vùng Bắc Giang. Nhiều ngôi chùa như chùa Vĩnh Nghiêm, Am Vãi, Bình Long, Yên Mã, Sơn Tháp, Đám Trì, Hồ Bắc... từ các huyện Yên Dũng, Lục Nam, Lục

Ngan, Sơn Động tỉnh Bắc Giang là những mắt xích quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm phía Tây Yên Tử. Việc mở mang nhiều chùa, am ở Tây Yên Tử của Pháp Loa là sự kế thừa con đường hoàng dương Phật pháp của Trần Nhân Tông. Các ngôi chùa cổ này tuy ở độ cao và độ xa cách nhau nhưng nhìn chung vẫn có mối liên hệ với nhau. Qua dấu tích khảo cổ học, có những ngôi chùa được xây dựng trước và trong thời Trần, các điểm dựng chùa đều có tầm cao nhất định và có góc bao quát xung quanh rất lớn. Các chùa được bố cục mặt bằng theo các cấp độ phù hợp với địa hình từng nơi với kết cấu kiến trúc cổ truyền là hệ thống kết cấu theo các bộ vì. Trong tổng thể đó, có những công trình kiến trúc đá với quy mô nhỏ và di văn Hán Nôm liên quan đến Phật giáo Trúc Lâm, như: tháp đá cổ chùa Sơn Tháp, chùa Am Vãi... Văn bia ở các ngôi chùa cổ phía Tây Yên Tử tỉnh Bắc Giang khá phong phú và quý giá, là dấu tích liên quan đến các hoạt động của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần. Bên cạnh đó, hệ thống các ngôi chùa cổ này gắn kết chặt chẽ với các di tích tại Quảng Ninh và Hải Dương để tạo thành một hệ thống không gian tôn giáo - văn hóa độc đáo đã trải qua hàng trăm năm. Từ đó, có thể thấy được con đường văn hóa tâm linh của Phật giáo Trúc Lâm thời Trần thông qua các ngôi chùa cổ. Con đường văn hóa tâm linh đó không chỉ có Phật giáo Trúc Lâm mà còn dung hợp với các loại hình tín ngưỡng dân gian khác. Điều đó tạo nên sự hội nhập văn hóa giữa Phật giáo trước thời Trần với tín ngưỡng địa phương để rồi đến thời Trần, Trần Nhân Tông sáng lập ra Phật giáo Trúc Lâm, mang những giá trị văn hóa Việt Nam.

Ngày nay, con đường hoàng dương Phật pháp của Trần Nhân Tông dần được tái hiện và được đầu tư trở thành những trọng điểm du lịch văn hóa tâm linh. Các địa phương như Quảng Ninh, Hải Dương, Bắc Giang đang liên kết để đánh thức tiềm năng giá trị di sản của Phật giáo Trúc Lâm để cùng phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Một số khuyến nghị nhằm bảo tồn, phát huy giá trị của các ngôi chùa cổ phía Tây Yên Tử

Thứ nhất, qua khai quật điểm tại một số ngôi chùa cổ thuộc Tây Yên Tử cho thấy di vật thu được khá phong phú, phản ánh đặc điểm vật liệu và nghệ thuật trang trí ở các thời kỳ, lịch sử lâu dài của di tích

từ thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn cho đến nay. Dấu tích còn lại của một số chùa cổ là di sản quý hiếm phản ánh trình độ văn minh cao của thời kỳ Lý - Trần cũng như người dân Đại Việt thời đó. Cùng với đó là các tư liệu Hán - Nôm liên quan đến Phật giáo và Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử thời Trần. Chính quyền cần thiết lập đề án quy hoạch khảo cổ học trên địa bàn toàn tỉnh để bảo tồn. Qua đó sẽ bổ sung tư liệu khi xây dựng các công trình mới, nhất là công trình kiến trúc tôn giáo ở từng di tích cụ thể phù hợp Luật Di sản văn hóa và Quy chế khai quật khảo cổ học.

Thứ hai, khi thi công phục dựng chùa cần xem xét kết cấu cho phù hợp với công trình chùa cổ. Đặc biệt là việc quan tâm tu tạo phần mái và hình thức bên ngoài sao cho đúng không gian kiến trúc ban đầu. Cần có những phương án cụ thể, tối ưu để gìn giữ những cổ vật có giá trị tại di tích. Bảo vệ, giữ gìn tất cả những hiện vật có giá trị trong di tích: hoành phi, câu đối, bia, tượng, chuông, ván in,... như những bằng chứng của lịch sử. Đối với tượng và đồ thờ có giá trị, tránh sơn thếp lòe loẹt những màu sơn công nghiệp. Đối với hệ thống bia đá, minh chuông cần có kế hoạch in dập và biên dịch lại để tiện tra cứu, xem xét; cần làm nhà che bia, đưa vào tập trung để bảo quản chúng được tốt hơn.

Thứ ba, các ngôi chùa cổ ở Tây Yên Tử mang đặc trưng văn hóa kiến trúc tôn giáo, gồm: địa điểm xây dựng tương đối gần khu dân cư, tiện cho nhà tu hành; cảnh quan thanh tĩnh, thiên nhiên đẹp, có lợi cho tăng ni tĩnh tâm tu hành. Nét độc đáo của kiến trúc cảnh quan là thống nhất giữa cảnh quan tôn giáo trang nghiêm và cảnh quan thiên nhiên. Bên cạnh đó, thực vật tại đây phong phú bởi gắn với cuộc sống của tăng ni, nhờ Phật giáo. Nghệ thuật sắp đặt đá và xử lý nước trong cảnh quan chùa, miếu cũng rất đặc sắc, thường có ao để tín đồ thực hành phóng sinh. Chúng ta cần khai thác các giá trị này để tiếp tục bảo tồn và phát huy hệ thống di tích Yên Tử.

Thứ tư, hệ thống di tích Tây Yên Tử trải rộng trên nhiều huyện, có giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc biệt. Vì vậy trước mắt cần thành lập Ban Quản lý di tích Tây Yên Tử có nhiệm vụ sưu tầm, tư liệu hóa và nghiên cứu về hệ thống di tích Tây Yên Tử; xây dựng và

thực hiện các phương án bảo quản, tu bổ, phục hồi, khai thác di sản cho phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp với cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương trong bảo vệ di sản, bảo đảm an ninh cho hệ thống di tích Tây Yên Tử. Cần có kế hoạch cụ thể khai thác giá trị của di tích, thu hút khách du lịch, mang lại công việc và thu nhập cho bản thân di tích cũng như cho nhân dân địa phương.

Kết luận

Qua kết quả khảo sát các ngôi chùa cổ phía ở Tây Yên Tử có thể thấy rằng, trong thời Trần, việc xây dựng chùa tháp ở tỉnh Bắc Giang đã được tiến hành ở một số địa phương. Các chùa đều ở trên núi cao, đồi cao hoặc ở gần sông. Quy mô chùa lớn, vật liệu xây dựng có ngói, gạch, đá... đều có kích thước lớn. Các ngôi chùa cổ này đều có thể coi là các công trình xứng đáng danh lam thắng cảnh. Trải qua nhiều năm, các ngôi chùa đa số trở thành phế tích. Tuy thế, dấu tích của các ngôi chùa cổ đó mang giá trị tôn giáo, văn hóa, lịch sử, đã xác nhận rằng trong quá trình phát triển Phật giáo ở Việt Nam, tới thời Trần, tỉnh Bắc Giang là một địa bàn quan trọng của Phật giáo Trúc Lâm.

Trong những năm gần đây, tỉnh Bắc Giang đã tăng cường hệ thống giao thông để kết nối các điểm di tích khu vực Tây Yên Tử. Khu du lịch Tâm linh - Sinh thái Tây Yên Tử đã kết nối với khu danh thắng Yên Tử tỉnh Quảng Ninh. Gồm nhiều hạng mục như các điểm chùa: Trình, Hạ, Trung, Thượng, cơ bản đã hoàn thành. Các điểm chùa, cùng với hệ thống hạ tầng, dịch vụ đồng bộ kết nối với chùa Đồng trên đỉnh Yên Tử, hình thành một trung tâm văn hóa lớn.

Việc bảo tồn di tích, công trình tôn giáo, tín ngưỡng tại khu vực này tạo thành quần thể hoàn chỉnh, thống nhất, là nền tảng phát triển du lịch tâm linh Phật giáo Trúc Lâm. Qua đó góp phần khẳng định giá trị tiêu biểu của các ngôi chùa cổ phía Tây Yên Tử mà chùa Vĩnh Nghiêm có vị trí quan trọng. Để nâng cao hơn nữa hiệu quả trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị hệ thống di tích này cần đề ra phương án tốt nhất trong biện pháp bảo vệ, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị, quan tâm việc tổng kiểm tra, đánh giá thực trạng của từng di tích. Đối với các phế tích, trước mắt khi chưa thể khôi phục được chùa phải khoanh vùng, cắm mốc giới bảo vệ, có phương án bảo vệ

giữ nguyên hiện trạng, tránh để phế tích tiếp tục bị xâm hại. Đồng thời, làm đường giao thông tới các phế tích; có thể xây dựng thêm biển chỉ dẫn, bảng giới thiệu, gắn với đó là bảo vệ rừng cảnh quan. Cần lập hồ sơ đề nghị xếp hạng các di tích, lập quy hoạch, khai quật khảo cổ học thu thập cứ liệu phục dựng các di tích, kết nối với danh thắng Yên Tử thành một quần thể thống nhất, hoàn chỉnh, tạo điều kiện cho phát triển du lịch cũng như phát huy các giá trị di sản văn hóa tâm linh của địa phương./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Xuân Cần (chủ biên, 2004), *Chốn tổ Vĩnh Nghiêm, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang*, Bắc Giang, tr. 67-68.
- 2 Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 395.
- 3 An Thiên (1845), *Đạo Giáo Nguyên Lưu*, tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mã số 2675.
- 4 Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 77.
- 5 Bảo tàng Bắc Giang (2011), *Bảo tồn phát huy các giá trị di sản văn hóa Lý-Trần tỉnh Bắc Giang: Kỳ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, tr. 112.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Thiên (1845), *Đạo Giáo Nguyên Lưu*, Tài liệu Lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, mã số 2675.
2. Bảo tàng Bắc Giang (2011), *Bảo tồn phát huy các giá trị di sản văn hóa Lý-Trần tỉnh Bắc Giang: Kỳ yếu Hội thảo khoa học*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
3. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang (2012), *Những giá trị văn hóa cổ truyền tỉnh Bắc Giang*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
4. Bảo tàng tỉnh Bắc Giang (2018), *Di tích và danh thắng Tây Yên Tử*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Nguyễn Xuân Cần (2001), *Giới thiệu các di tích lịch sử văn hoá, di tích khảo cổ và các đền, nghè, đình chùa, lăng mộ, địa điểm di tích cách mạng nằm tại các xã, huyện của tỉnh Bắc Giang*, Bảo tàng Bắc Giang, Bắc Giang.
6. Nguyễn Xuân Cần (chủ biên, 2001), *Di tích Bắc Giang*, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang, Bắc Giang.
7. Nguyễn Xuân Cần (chủ biên, 2004), *Chốn tổ Vĩnh Nghiêm, Bảo tàng tỉnh Bắc Giang*, Bắc Giang.
8. Nguyễn Thị Thanh Hải (2012), “Phật giáo đối với nghệ thuật Việt Nam thời Lý-Trần”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 7.
9. Vũ Tam Lang (1998), *Kiến trúc cổ Việt Nam*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.

10. Nguyễn Bá Lăng (1973), *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, Sài Gòn.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam Nhất thống chí*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

Abstract

THE VALUE OF THE ANCIENT BUDDHIST TEMPLES OF TRẦN DYNASTY IN THE WEST OF YÊN TỬ

Duong Ngo Ninh

*Commission for Propaganda and Ideological Education,
Bac Giang Province Party Committee*

In the Tran dynasty, the western mountain slopes of Yên Tử, belonging to the districts of Yên Dũng, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động of Bắc Giang province, has kept relics which were built by the monks of Trúc Lâm Buddhism. They have been closely related to the formation and flourishing of Trúc Lâm Yên Tử Buddhism. In this article, the author presents the architecture of ancient Buddhist temples during the Trần period in the West of Yên Tử area in Bắc Giang province, the values of these ancient pagodas as well as recommendations on the protection and promotion of the value of the West Yên Tử relics.

Keywords: Value; architecture; ancient Buddhist temples; Trần dynasty; West Yên Tử; Bắc Giang.